

Từ thiện môn đến hành trình dẫn thân vì dân tộc của Ni trưởng Huỳnh Liên

ISSN: 2734-9195 14:10 19/01/2026

Ni trưởng Huỳnh Liên không chọn con đường an trú trong thiền môn khép kín, mà tích cực bước ra khỏi cổng chùa để đồng hành cùng dân tộc. Bà sử dụng trí tuệ Phật pháp như một ngọn đuốc soi sáng cho con đường đấu tranh vì hòa bình và độc lập dân tộc.

Tác giả: **HVCH. Lê Diễm Hằng (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" Tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

I. Dẫn nhập

Phật giáo từ khi du nhập vào Việt Nam đến nay đã đồng hành cùng vận mệnh dân tộc và nhân dân trải qua biết bao thăng trầm lịch sử, trở thành một điểm tựa tinh thần vững chắc. Đạo Phật truyền bá đến đâu đều dung hòa với văn hóa nơi đó tạo nên những nét đặc trưng mang đậm dấu ấn bản địa mà vẫn giữ được bản chất của riêng nó. Trong giai đoạn đầy biến động của miền Nam thế kỷ XX, Ni trưởng Huỳnh Liên nổi bật như một biểu tượng kết tinh của bản lĩnh và trí tuệ, vừa là người tu sĩ mẫu mực vừa là thi sĩ có tâm hồn cao cả. Là đại diện xuất sắc của Hệ phái Khất sĩ, Ni trưởng đã sống trọn vẹn lý tưởng Phật giáo, lấy sức mạnh tâm linh và từ bi làm nền tảng để đối mặt với những thử thách của thời đại. Thông qua các hoạt động xã hội, thơ ca phản chiến, phong trào từ thiện - cứu trợ, Ni trưởng đã góp phần định hình hình ảnh người tu sĩ Phật giáo nhập thế đầy nhân văn và can đảm. Không chỉ góp phần lan tỏa tư tưởng yêu nước, Ni trưởng còn khẳng định vị thế và tiếng nói của phụ nữ trong phong trào giải phóng dân tộc.

II. Ni trưởng Huỳnh Liên và hành trình dẫn thân vì dân tộc

1. Ni trưởng Huỳnh Liên: Cuộc đời và đạo nghiệp

Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên (1923 - 1987) thế danh là Nguyễn Thị Trù, xuất thân từ một gia đình nông dân thuần hậu và có truyền thống Phật giáo tại làng Phú Mỹ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang). Vốn có túc duyên nhiều đời, lại được sinh ra trong gia đình có truyền thống Phật giáo nên tư tưởng tu hành và phụng đạo giúp đời đã được khai mở từ rất sớm. Năm 1947, nhân dịp tổ sư Minh Đăng Quang về thuyết pháp tại chùa Linh Bửu, Ni trưởng đã thọ nguyện xuất gia và trở thành một trong bốn nữ đệ tử đầu tiên của Hệ phái Khất sĩ Việt Nam vào ngày 01/04/1947 với pháp danh Huỳnh Liên. Với vai trò là trưởng tử Ni của Đức Tổ sư, Ni trưởng không chỉ kế thừa truyền thống giáo lý mà còn phát huy và mở rộng hệ phái Khất sĩ. Điều này đã được tổ sư nhận định rằng: “Đây là người của căn xưa kiếp cũ, phát nguyện xuất gia, tự độ, tự tha, làm gương hạnh giải thoát, tiếp độ phái nữ”. (2)



(Ảnh: Internet)

Bằng sự kiên trì và nỗ lực không ngừng, Ni trưởng Huỳnh Liên đã trở thành một ngọn đuốc sáng dẫn dắt và bảo hộ cho hàng ngàn đệ tử noi theo, góp phần to lớn trong việc truyền bá và phát triển Phật pháp. Khi đức Tổ sư vắng bóng, Ni trưởng đã kế thừa trọng trách lãnh đạo hàng Ni chúng Khất sĩ suốt 40 năm (1947 - 1987). Bằng tâm đức và trí tuệ, bà đã dẫn dắt ni giới vượt qua nhiều thử thách, giữ vững truyền thống Giới - Định - Tuệ, hành tứ y pháp và khất thực. Ni trưởng Huỳnh Liên đã đồng hành cùng Giáo hội Tăng-già, góp phần quan trọng vào việc truyền thừa và lan tỏa giáo lý đến quần chúng. Ni trưởng đã dẫn dắt hàng ngàn Ni chúng, xây dựng hàng trăm ngôi Tịnh xá và gieo hạt giống Phật pháp khắp mọi nơi khắp các vùng miền từ sơn khê đến nông thôn và phố thị với sự hiện hữu của hàng ngàn ni chúng, hàng vạn vạn tín đồ... Đặc biệt, tịnh xá

Ngọc Phương (xây dựng từ năm 1958, trùng tu năm 1972), trung tâm của Ni giới Hệ phái Khất sĩ là nơi mang nhiều dấu ấn lịch sử một thời hành đạo và dẫn thân vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của Ni trưởng. Lễ đó, Ni trưởng Huỳnh Liên là hình mẫu lý tưởng trong tu hành và phát triển Phật pháp nói chung và trong lãnh đạo Ni giới Hệ phái Khất Sĩ nói riêng.

2. Ni trưởng Huỳnh Liên trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc (1960 - 1975)

Sau hiệp định Genève miền Nam nằm dưới sự kiểm soát của chính quyền Việt Nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm đứng đầu đã triển khai một chủ nghĩa thực dân kiểu mới thông qua việc kiểm soát chính quyền Sài Gòn bằng các cố vấn và tình báo Mỹ. Ngô Đình Diệm lên nắm quyền lãnh đạo và thiết lập một chế độ độc tài quân sự, thực hiện các cải cách xã hội, kinh tế và chính trị. Tuy nhiên, điều này đã vấp phải nhiều chỉ trích và kháng cự từ các nhóm đối lập, đặc biệt là các phong trào cộng sản và tôn giáo. Hàng loạt sắc lệnh hà khắc được ban hành tạo nên một không khí ngột ngạt và khủng bố leo thang. Song song đó, dưới vỏ bọc là đồng minh đến giúp đỡ miền Nam chống lại sự xâm lăng của cộng sản, Mỹ đã thực hiện những chính sách đàn áp tàn bạo để chống phá phong trào cách mạng và củng cố chính quyền tay sai của mình. Mục tiêu của Mỹ trong giai đoạn này là chia cắt lâu dài Việt Nam, đồng thời ngăn chặn sự lan rộng của chủ nghĩa xã hội tại Đông Nam Á. Chống cộng trở thành quốc sách của Mỹ và chính quyền Sài Gòn dẫn đến cuộc chiến tranh kéo dài và đẫm máu tại Việt Nam.

Trong bối cảnh đó Phật giáo Khất Sĩ với tinh thần nhập thế đã trở thành điểm tựa tinh thần cho người dân. Lý tưởng đóng góp cho “đạo pháp và dân tộc” của hệ phái Khất Sĩ không chỉ thể hiện qua sự giải thoát cá nhân mà còn gắn liền với việc tham gia và phục vụ xã hội. Ni trưởng Huỳnh Liên, tấm gương tiêu biểu cho tinh thần nhập thế của Phật giáo Khất Sĩ đã thể hiện rõ lý tưởng này qua hành động tích cực tham gia vào công cuộc cách mạng, bảo vệ đất nước trong thời kỳ khó khăn. Sự kết hợp giữa lý tưởng giải thoát cá nhân và trách nhiệm với đất nước đã góp phần tạo nên một nét đặc trưng độc đáo, hòa hợp giữa đạo và đời, như lời Ni trưởng đã phát nguyện:

Nguyện xin hiến trọn đời mình,

Cho nguồn đạo pháp cho tình quê hương.

Có thể thấy, người tu sĩ không vì cắt ái ly gia mà bỏ xa rời nhân thế, khi đất nước lâm nguy thì bất kỳ ai cũng là anh hùng, cũng có trách nhiệm đứng lên

bảo vệ non sông. Thông qua các buổi thuyết pháp và vận động quần chúng Phật tử, Ni trưởng đã kêu gọi tinh thần yêu nước, khuyến khích lòng đoàn kết và đấu tranh chống lại sự áp bức của ngoại bang. Trong thập niên 1960, khi phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam lên cao, bà đã đóng vai trò nổi bật trong việc phản đối chế độ Ngô Đình Diệm. Cùng với các chư Ni và tăng sĩ khác tích cực tham gia vào các cuộc biểu tình, tuyệt thực và tổ chức các buổi cầu nguyện lớn nhằm phản đối những bất công và sự kỳ thị tôn giáo. Một điểm nổi bật trong hành trình của Ni trưởng là tinh thần quyết liệt trong việc lên án sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam, phản đối sự đàn áp của chính quyền ngụy quyền, đặc biệt là các hành động bắt bớ học sinh, sinh viên và phá hoại các cơ sở tín ngưỡng.

Ni trưởng Huỳnh Liên với tư cách là một nhà lãnh đạo thông tuệ và sáng tạo, đã tổ chức thành công nhiều sự kiện quan trọng trong phong trào đấu tranh cho hòa bình và tự do trong những năm 1970. Sự kiện nổi bật là lễ “Xuống tóc vì Hòa Bình” diễn ra vào ngày 18/10/1970, thể hiện sự kết hợp giữa niềm tin tôn giáo và lý tưởng hòa bình. Ngày 25/10, Ni trưởng đã chủ trì một mít-tinh lớn nhằm phản đối chính quyền Mỹ và Ngụy, khẳng định quyết tâm của người dân miền Nam trong cuộc chiến chống áp bức. Vào ngày 07/11/1970, Ni trưởng công bố tuyên ngôn 10 điểm về hòa bình của Mặt trận Nhân dân tranh thủ Hòa bình, một văn bản quan trọng nhằm kêu gọi chấm dứt chiến tranh và bảo vệ quyền lợi của nhân dân.

Ni trưởng cùng các phong trào sinh viên, học sinh, phong trào dân tộc tự quyết và Ủy ban Cải thiện chế độ lao tù đã phối hợp tổ chức biểu tình đòi thả tù nhân chính trị vào ngày 01/01/1971. Vào ngày 05/01/1971, bà cũng hợp tác với các tổ chức phụ nữ quốc tế để lên án chiến tranh và vận động cho hòa bình. Đặc biệt, vào ngày 07/04/1971, Ni trưởng tổ chức họp báo để thảo luận về các vấn đề xã hội và chính trị, nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về tình hình đất nước và kêu gọi sự ủng hộ từ nhân dân. Năm 1971, Ni trưởng tham gia thành lập phong trào “Phụ nữ Đòi quyền sống” và giữ vai trò cố vấn. Phong trào chính thức ra mắt vào ngày 2/8/1971 tại chùa Ấn Quang, với trụ sở chính đặt tại Tịnh xá Ngọc Phương. Dưới sự lãnh đạo của bà Ngô Bá Thành và tuyên ngôn với nội dung “Đòi Mỹ rút quân về nước, chấm dứt chiến tranh, và đòi quyền sống cho phụ nữ” (3) phong trào đã thu hút sự ủng hộ rộng rãi từ nhiều tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là từ phụ nữ và các tổ chức dân sự, và nhanh chóng mở rộng ra các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Ni trưởng Huỳnh Liên tiếp tục tham gia thành lập “Mặt trận Nhân dân tranh thủ dân chủ hòa bình” một tổ chức có mục tiêu cao cả là đòi hòa bình và độc lập cho dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của cụ Đặng Văn Ký, mặt trận này đã nhanh chóng trở thành một lực lượng quan trọng trong phong trào đấu tranh chính trị

của Việt Nam. Đặc biệt sau hiệp định Paris, khi các hoạt động đòi tự do, dân quyền, dân sinh và dân chủ trở nên sôi động hơn, Mặt trận Nhân dân đã góp phần thúc đẩy phong trào dân chủ trong bối cảnh đất nước đang trải qua nhiều biến động.

Từ năm 1971, chính quyền Sài Gòn đàn áp khốc liệt, bắt giam nhiều lãnh đạo của phong trào Phụ nữ đòi quyền sống, Mặt trận Nhân dân tranh thủ hòa bình khiến phong trào như rắn không đầu. Ngày 06/09/1971, Ni trưởng buộc Nguyễn quyền thả bà Ngô Bá Thành và phối hợp với đồng bào Công Giáo để tố cáo chính sách của Mỹ, tổ chức các cuộc biểu tình chống quân sự hóa học đường vào ngày 18/09/1971. Bằng trí tuệ và lòng kiên cường của mình Ni trưởng đã vận dụng những kế sách thông minh và linh hoạt đấu tranh theo phương châm bất bạo động khiến kẻ thù phải e sợ. Từ đó danh hiệu “đội quân đầu tròn” và “đội quân tóc dài” đã đi vào ký ức đấu tranh của dân tộc. Bên ngoài đấu tranh công khai với Mỹ - Nguyễn, bên trong Ni sư vận động, tổ chức nuôi dưỡng cán bộ, tù chính trị từ Côn Đảo về thành phố, ủng hộ giúp đỡ tài, vật cho các cơ sở cách mạng (4).

Từ cuối năm 1971 - 1975, phong trào đấu tranh tại **miền Nam Việt Nam** diễn ra mạnh mẽ, tập trung vào việc đòi hỏi quyền lợi dân sinh, dân chủ, tự do ngôn luận và báo chí. Các tổ chức, bao gồm Ni giới Khất Sĩ, yêu cầu chính quyền thực hiện Hiệp định Paris, nhấn mạnh đến hòa bình và hòa giải dân tộc. Sự tham gia của Ni trưởng Huỳnh Liên và các thành viên khác trong phong trào này thể hiện quyết tâm vì công lý và tự do cho nhân dân. Vào ngày 04/10/1974, cuộc biểu tình mang tên “Độc báo nói” của Ủy ban Chống tịch thu báo chí đã diễn ra tại chợ Bến Thành, thu hút đông đảo người tham gia. Sự kiện này không chỉ thể hiện tinh thần cộng đồng và quyết tâm bảo vệ quyền tự do ngôn luận mà còn là phản ứng của người dân trước những chính sách đàn áp của chính quyền đối với báo chí và thông tin. Cuộc biểu tình đã bị chính quyền đàn áp nghiêm ngặt, với nhiều người tham gia bị bắt giữ. Những sự kiện này là một phần trong bối cảnh lớn hơn của phong trào đấu tranh vì quyền tự do ngôn luận tại miền Nam Việt Nam vào thời điểm đó.

Vào ngày 10/10/1974, sự kiện quan trọng mang tên “Ký giả ăn mày” đã diễn ra, thu hút sự tham gia của nhiều nhà sư và người biểu tình. Họ mang theo bị và gậy, diễu hành quanh chợ Bến Thành trước khi tiến đến Hạ Nghị viện. Cuộc biểu tình này nhằm phản đối chính quyền và đòi hỏi sự công bằng, bảo vệ quyền lợi của những người khốn khó. Tuy nhiên, đoàn biểu tình đã phải đối mặt với sự đàn áp mạnh mẽ từ phía chính quyền. Cảnh sát được huy động để khủng bố và đánh đập những người tham gia. Cuộc biểu tình này đã trở thành một dấu mốc quan trọng trong lịch sử phong trào đấu tranh chống lại sự áp bức, thể hiện tinh

thần bất khuất của những người yêu nước trong thời kỳ kháng chiến.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Trong giai đoạn cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Ni trưởng Huỳnh Liên đã phải đối diện với một thời kỳ hết sức khó khăn. Tỉnh xá Ngọc Phương đã bị bao vây, cô lập và phong tỏa từ tháng 8/1970, kéo dài cho đến trưa ngày 29/04/1975. Trong khoảng thời gian này, Ni trưởng cùng chư Ni không chỉ đối mặt với sự giám sát nghiêm ngặt của chính quyền, mà còn phải đối diện với những đe dọa từ các lực lượng vũ trang. Để phản đối tình hình khắc nghiệt và thể hiện quyết tâm bảo vệ lý tưởng của mình, Ni trưởng đã dựng một “lò thiêu dã chiến” trước cổng Tỉnh xá như một hình thức phản kháng mạnh mẽ, thể hiện sự sẵn sàng hy sinh của các sư cô nếu họ bị tấn công. Ni trưởng Huỳnh Liên đã trở thành biểu tượng cho lòng dũng cảm và ý chí kiên cường của người Phật tử trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của Phật giáo trong việc gắn kết lý tưởng tôn giáo với trách nhiệm xã hội. Hành động của Ni trưởng đã để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử phong trào đấu tranh vì hòa bình và công bằng xã hội tại miền Nam Việt Nam

Sau chiến thắng của chiến dịch mùa Xuân năm 1975, đất nước Việt Nam bước vào giai đoạn tái thiết trong bối cảnh khó khăn cả về kinh tế và xã hội. Trước tình cảnh đó, Ni trưởng Huỳnh Liên đã nhanh chóng khơi dậy tinh thần từ bi và trách nhiệm cộng đồng của Phật giáo, vận động Tăng, Ni và Phật tử trên khắp cả nước chung tay cùng chính quyền hỗ trợ đồng bào vượt qua khó khăn hậu

chiến. Ni trưởng đặc biệt cổ vũ thực hành hạnh bố thí, khuyến khích Ni chúng và Phật tử thực hiện những hành động cụ thể như tiết kiệm chi tiêu, nhịn ăn, nhịn mặc để dành phần tài chính giúp đỡ những người đang chịu khổ. Các hoạt động từ thiện do Ni trưởng tổ chức mang tính đa dạng và sâu rộng, từ việc mở trường dạy học miễn phí, đến các hoạt động cứu trợ tại bệnh viện, trại cùi và nhà nuôi dưỡng người già. Một số nơi nổi bật mà Ni trưởng tập trung hỗ trợ bao gồm Bệnh viện 175, Trại cùi Bến Sắn, Trại cùi Thủ Thiêm, Dưỡng trí viện Biên Hòa, và các cơ sở tại Gò Vấp, Thị Nghè, Xóm Mới. Ngoài ra, tại Tịnh xá Ngọc Uyển (Biên Hòa) và nhiều cơ sở từ thiện khác của Ni giới Khất sĩ, bà đã chỉ đạo việc chăm sóc trẻ em mồ côi và người già neo đơn, đảm bảo họ có nơi nương tựa và được nuôi dưỡng. Những việc làm của Ni trưởng không chỉ giúp xoa dịu những đau khổ về vật chất mà còn thể hiện tinh thần từ bi của Phật giáo, góp phần khôi phục lòng nhân ái trong cộng đồng và xây dựng lại xã hội sau chiến tranh. Qua hạnh bố thí và tinh thần sẻ chia, Ni trưởng đã truyền tải ánh sáng Phật pháp đến nhiều tâm hồn, đóng góp vào sự ổn định và phát triển xã hội trong thời kỳ khó khăn đó.

Ni trưởng Huỳnh Liên không chỉ là một biểu tượng tôn giáo mà còn là một nhà hoạt động chính trị và xã hội kiên cường. Sau khi đất nước thống nhất vào năm 1975, bà vinh dự là đại biểu Phật giáo duy nhất, cùng với bà luật sư Ngô Bá Thành - đại diện cho nữ trí thức, trong số 25 đại biểu tiêu biểu của miền Nam tham gia Hội nghị Hiệp thương Thống nhất Đất nước đầu năm 1976. Sự kiện này là bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp cống hiến cho hòa bình và độc lập dân tộc của Ni trưởng.

3. Thơ văn là công cụ chiến đấu

Trong bối cảnh lịch sử đầy biến động, văn chương trở thành một công cụ mạnh mẽ để cổ vũ tinh thần dân tộc, khơi dậy lòng yêu nước và đấu tranh giải phóng đất nước khỏi ách xâm lược. Đây là sự hòa hợp giữa các dòng tư tưởng lớn, một không gian sáng tạo phong phú, nơi sự giác ngộ cá nhân và tinh thần cộng đồng cùng hòa quyện, mở rộng sự liên kết giữa con người và thiên nhiên, giữa cái tôi và thế giới. Giáo sư Hoàng Như Mai(2012) đã nhận xét: “Qua nhiều thời gian suy ngẫm tôi nhận thấy ở Ni trưởng Huỳnh Liên một tâm hồn thi sĩ đích thực” (5).

Trưởng thành trong giai đoạn đầy biến động của lịch sử dân tộc, mặc dù là một nữ tu sĩ nhưng trước nỗi đau chung của dân tộc, Ni trưởng đã thấu cảm và bộc phát bằng tất cả lòng trắc ẩn và đau đớn của con người trước thế cuộc. Chính những xúc động này mà ni trưởng đã dẫn thân vào cuộc kháng chiến giành lại tự do và hoà bình, cụ thể hóa thành ý thức thành hành động, thể hiện trách

nhiệm công dân đối với tổ quốc. Chiến tranh càng khốc liệt, tinh thần đấu tranh của Ni trưởng càng mãnh liệt:

Dấu tu sĩ cũng công dân yêu nước

Vì tình thương vì đạo đức đấu tranh

Cho tự do, độc lập hòa bình

Cho hạnh phúc, cho phồn vinh vĩnh cửu

(Khúc thanh bình, Ni trưởng Huỳnh Liên)

Nổi xót xa trước cảnh đồng bào và tín đồ Phật giáo chịu cảnh áp bức lầm than, cùng với những bất công trong chính sách kỳ thị Phật giáo của chính quyền Sài Gòn thời bấy giờ, lời thơ *Tang tóc* của Ni trưởng cất lên như tiếng khóc thương:

Quê hương tang tóc vì đâu?

Đồng bào tang tóc khổ sầu vì ai?

Ruộng xưa hoang phế ai cày?

Vườn xưa tàn tạ, cỏ gai rợp đầu!

Nhà xưa dấu vết còn đâu?

Làng xưa mây trắng phủ màu thê lương!

Người xưa lần lượt lên đường

Kẻ đi biên biệt, người đương khởi hành

Bom rền súng nổ chung quanh

Cỏ cây thôi cũng hãi kinh lựa người

Nhấn tâm chi lắm ai ơi!

Xương chồng nên núi, máu khơi nên nguồn!

(Tang tóc, Ni trưởng Huỳnh Liên)

Với chủ trương bất bạo động, Ni trưởng Huỳnh Liên đã dẫn đầu các cuộc biểu tình lên án chính phủ Mỹ gây chiến tranh tại Việt Nam, cũng như phản đối ngục quyền đàn áp, bắt bớ sinh viên học sinh, kỳ thị tôn giáo, phá hoại các cơ sở tín ngưỡng, đàn áp tù chính trị. Trong giai đoạn này, tịnh xá Ngọc Phương do Ni

trưởng Huỳnh Liên xây dựng trở thành trung tâm của Ni giới Hệ phái Khất sĩ, nơi đây là cũng chính là một trong những Tổng hành dinh gắn liền với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc tại Sài Gòn - Gia Định trước năm 1975. Với khí thế ấy, lời thơ Ni trưởng như lời hiệu triệu cổ động nhân dân:

Đi, ta đi! Quyết dẫn thân vào

Chốn khổ đau mà sót khổ đau

Người Việt lâm nạn, người Việt cứu

Tương thân tương trợ nghĩa đồng bào

(Lên đường cứu khổ, Ni trưởng Huỳnh Liên)

Bởi lẽ:

Một sợi tóc, một tình thân

Nối dây đoàn kết tinh thần đấu tranh

Một rời mười muôn nghìn triệu ước

Hỡi đồng bào hiệp sức xung phong

Mái tóc xanh, giọt máu hồng

Hoa bình dân chủ góp công đạt thành

(Cắt tóc nguyện hòa bình, Ni trưởng Huỳnh Liên)

Vượt qua những giới hạn truyền thống thường gắn liền với hình ảnh người nữ tu, Ni trưởng đã chọn một con đường tu tập không tách rời thực tại, mà thấm đẫm tinh thần nhập thế - một tinh thần vừa từ bi, vừa hành động. Điều này cho thấy đạo Phật không yếm thế, quay lưng với thời cuộc hay chán đời mà họ chính là những người can đảm buông bỏ tình yêu nhỏ để hòa vào tình yêu đời, yêu quê hương. Đồng thời là nghị lực, ý chí dẫn thân nhằm chuyển hóa cuộc đời. Đó chính là triết lý nhập thế - xuất thế linh hoạt ứng với tinh thần “Phật pháp bất ly thế gian pháp” của Thiền Lâm Đại Việt, tinh thần từ bi cứu khổ của Phật giáo đã hun đúc tinh thần nhập thế vang vọng bao đời nay.

Ngàn năm phong kiến giam cầm,

Tiềm năng phụ nữ âm thầm vùi chôn.

Chủ trương cách mạng khéo khôn,

Thành công khai thác vàng son kho tàng.

Những bông hoa Việt Nam bất tử,

Những bông hoa phụ nữ thần kỳ.

Tinh hoa muôn thuở hiệp vầy,

Ngàn năm sống dậy một ngày hiển vang.

(Những bông hoa thần kỳ, Ni trưởng Huỳnh Liên)

Việc Ni trưởng tin tưởng kêu gọi Ni giới cũng như nữ lưu Phật tử tham gia cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc là lý do tiên quyết cũng là cơ sở cho việc giải phóng hình ảnh người phụ nữ trong xã hội

Giới nữ lưu tân tiến oai phong

Ra tay tháo cửa sổ lòng

Đứng lên giải phóng em trong chị ngoài

Giải phóng trước đất đai tộc chủng

Giải phóng sau bình đẳng lợi quyền

(Hái hoa dân chủ, Ni trưởng Huỳnh Liên)



(Ảnh: Internet)

Ni trưởng đạp đổ hàng rào định kiến phụ nữ là yếu đuối không gánh vác được việc lớn. Người biến điểm yếu thành sức mạnh tình thương, quyền lực bồi đắp tinh thần và nghị lực của người phụ nữ trong tranh đấu vì công lý và hòa bình

của dân tộc.

*Yếu hơn hết vẫn là phụ nữ,
Bổn phận lên nhờ sử dụng tình thương
Đem công bằng, công lý trao gửi khắp mọi quê hương,
Cho thế giới hoà bình vĩnh viễn.
Cho bom súng im hơi lặng tiếng,
Cho vườn đời đẹp cỏ tươi hoa*

(Hoa tình thương, Ni trưởng Huỳnh Liên)

Trong thời chiến cũng như trong thời bình, người phụ nữ với những phẩm chất truyền thống tốt đẹp, những cung bậc cảm xúc phức tạp, những trăn trở cuộc đời, họ đã đến và để lại cho nền văn học Việt Nam và trong lòng độc giả những ấn tượng thật sâu sắc và đẹp và. Vốn đồng cảm thân phận nữ lưu, Ni trưởng cảm nhận trọn vẹn vẻ đẹp tranh đấu kiên cường lẫn vẻ đẹp tâm hồn nội tại của người phụ nữ Việt nam;

*Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh
Gương hai bà lấp lánh sao giăng
Người nay phải chống xâm lăng
Phải giành độc lập cho bằng người xưa*

...

*Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh
Gióng Lạc Hồng phải gánh non sông
Hòa bình tranh đấu góp công
Phấn son tô điểm tươi hồng nước Nam
(Giặc đến nhà, Ni trưởng Huỳnh Liên)*

Cảm động trước tấm lòng và sự hy sinh của ni cô Thích nữ Liên Tập đã hy sinh mạng sống của mình cho hoà bình và tự do dân tộc, ni trưởng viết:

Vào biển lửa để cứu người trong lửa

Lửa chiến tranh và ngọn lửa hòa bình

Trách ai làm cho dân tộc điêu linh

Để tu sĩ thiêu mình trong lửa đỏ.

Hành động tự thiêu của tu sĩ vì dân tộc không mang tính hủy diệt thân mạng mà là một sự hiến thân từ bi, vị tha, đúng như hạnh nguyện Bồ Tát: hy sinh bản thân để cứu khổ, thức tỉnh chúng sinh. Đó cũng là cách hiện thực hóa tinh thần “xả thân cầu đạo”, “vị tha quên mình”, khi cái chết không phải là kết thúc mà trở thành một thông điệp siêu vượt, thắp sáng ngọn lửa hòa bình trong tâm thức con người. Sự hy sinh của người tu sĩ không chỉ xuất phát từ lòng từ bi vô ngã, mà còn gắn chặt với trách nhiệm công dân, với tình yêu quê hương xứ sở. Ngọn lửa tự thiêu trở thành ngọn lửa dân tộc, thiêu đốt bất công và đồng thời hun đúc ý chí quật cường, khát vọng hòa bình cho muôn dân. Lẽ đó khi thấy còn có những người đương còn bàng quan với thế sự, Ni trưởng đã ôn hòa đưa ra lời khuyên nhủ:

Em có nghe chẳng tiếng thở dài?

Của người thiếu phụ dội vang tai!

Khi nghe tiếng nổ rền sông núi

Lo lắng cùng ai, oán hận ai

...

Em có đành chẳng dựng tháp ngà?

Mi dài, móng nhọn, phấn son thoa.

Mặc người giết chóc, nòi tiêu diệt

Mặc đất vang rền nước thét la?

(Em có nghe chẳng, Ni trưởng Huỳnh Liên)

Trong thơ của Ni trưởng, người phụ nữ không còn là bóng dáng lặng lẽ nơi hậu phương, mà là những chiến sĩ quả cảm, dũng cảm đối mặt với bom đạn, sẵn sàng hy sinh vì độc lập, tự do. Từng câu chữ trong thơ bà như thấm đẫm máu, nước mắt và niềm tin sắt đá vào ngày thống nhất. Qua đó, người đọc không chỉ cảm nhận được tấm lòng yêu nước sâu sắc của tác giả, mà còn thêm trân trọng, tự hào về vai trò to lớn của phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh và xây dựng đất nước.

III. Lời kết

Bài học từ hành trình **dẫn thân** của Ni trưởng không nằm ở sự ngưỡng mộ đơn thuần, mà ở chỗ nó đặt ra một câu hỏi có tính phản biện đối với chính chúng ta hôm nay: liệu tinh thần nhập thế có còn được duy trì một cách chủ động và sáng tạo trong đời sống Tăng Ni và Phật tử trẻ hiện đại? Trong thời đại mà tôn giáo dễ bị thu hẹp vào hình thức lễ nghi, hoặc tách biệt khỏi các vấn đề xã hội, thì tấm gương của Ni trưởng Huỳnh Liên là lời nhắc nhở sâu sắc rằng: tu hành không thể là một quá trình cô lập với hiện thực, mà phải là hành trình chuyển hóa hiện thực – bằng trí tuệ, từ bi và dẫn thân vô úy. Sống tỉnh thức không đồng nghĩa với đứng ngoài thời cuộc; và phụng sự đạo pháp sẽ trở nên trọn vẹn hơn khi đồng hành cùng dân tộc, cùng con người cụ thể trong từng giai đoạn lịch sử.

Kết tinh của tinh thần thời đại là hình ảnh con người đề cao tinh thần nhân đạo nhuộm màu sắc từ bi của Phật giáo. Trong thời kỳ đất nước bị thực dân, đế quốc xâm lược và chìm trong chiến tranh, Ni trưởng Huỳnh Liên không chọn con đường an trú trong thiền môn khép kín, mà tích cực bước ra khỏi cổng chùa để đồng hành cùng dân tộc. Bà sử dụng trí tuệ Phật pháp như một ngọn đuốc soi sáng cho con đường đấu tranh vì hòa bình và độc lập dân tộc. Dù dòng thời gian lặng lẽ trôi nhưng công hạnh cao quý cùng trí tuệ viên mãn và tinh thần bất khuất của Ni trưởng như ánh sáng bất diệt, mãi rạng ngời và khắc sâu trong trái tim của hàng Môn đồ Ni giới Khất Sĩ, như một ngọn đuốc soi đường trên con đường tu học và phụng sự Phật pháp. Lễ đó Hòa thượng Thích Từ Thông đã tán thán rằng:

Chiếc áo Khất sĩ làm vẻ vang trong Ni giới

Tấm thân nữ lưu nêu gương sáng chốn tông lâm.

Tác giả: **HVCH. Lê Diễm Hằng**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP.HCM

2) Ni giới Hệ phái Khất sĩ. (2014). Ni trưởng Huỳnh Liên: Cuộc đời và Đạo nghiệp. Hà Nội: NXB Hồng Đức, tr.36.

3) Ni giới Hệ phái Khất sĩ. (2017). Kỷ yếu lễ tưởng niệm lần thứ 30 Ni trưởng Huỳnh Liên. TP.Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp TP.HCM, tr.28.

4) Lê Cung (chủ biên). (2019). *Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam (1945 - 1975)*. TP.Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp TPHCM, tr.253.

5) Ni Trưởng Huỳnh Liên. (2012). *Đóa sen thiêng*. TP.Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp TP.HCM, tr.20.

Tài liệu tham khảo:

1] Lê Cung. (1999). *Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2] Lê Cung (chủ biên). (2019). *Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam (1945 - 1975)*. TP.Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp TPHCM.

3] Nguyễn Đắc Tùng. (2023). “Ni Trưởng Huỳnh Liên và phong trào đấu tranh ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1963 – 1975”. *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*. số 1 - 2023. Tr. 82 - 87.

4] Ni giới Hệ phái Khất sĩ. (1994). *Kỷ yếu Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên*. TP.Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp TP.HCM.

5] Ni giới Hệ phái Khất sĩ. (2014). *Ni trưởng Huỳnh Liên: Cuộc đời và Đạo nghiệp*. Hà Nội: NXB Hồng Đức.

6] Ni giới Hệ phái Khất sĩ. (2017). *Kỷ yếu lễ tưởng niệm lần thứ 30 Ni trưởng Huỳnh Liên*. TP.Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp TP. HCM.

7] Ni Trưởng Huỳnh Liên. (2012). *Đóa sen thiêng*. TP.Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp TP. HCM.

8. Trương Văn Chung, Nguyễn Công Lý & Thích Nhật Từ (chủ biên). (2013). *Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*. Cà Mau: NXB Phương Đông.